TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-PT
Ngày: 16/3/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trà.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải; Đỗ Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tuy P, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2023/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ng - sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Ngọc T, Phước A, Tuy P, Bình Định.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Bích C - sinh năm: 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, Phước T, Tuy P, Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Thế Q–Luật sư hoạt động tại Công ty Luật TNHH MTV N. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Đoàn Anh D - sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn B, Phước T, Tuy P, Bình Định. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Bích C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Vào ngày 03/4/2020, bà Nguyễn Thị Bích

C đến nhà bà vay số tiền 510.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, mục đích vay để mua bán vỏ điều và thêm tiền mua xe ôtô tải; bà Ccam kết trả số tiền vay gốc cho bà 2 lần: Ngày 03/7/2020 trả số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc; ngày 03/9/2020 trả số tiền 260.000.000 đồng tiền gốc. Sau khi thỏa thuận xong bà C viết giấy mượn tiền và ký vào hợp đồng này. Bà là người trực tiếp giao số tiền 510.000.000 đồng cho bà C nhận. Tại thời điểm vay và giao nhận tiền chỉ có bà và bà C. Sau khi vay số tiền trên bà C thực hiện việc trả lãi đến hết tháng 9/2021, bà C chưa trả nợ gốc cho bà. Bà thừa nhận trước ngày 03/4/2020 bà không nhớ thời gian nào giữa bà và bà C xác lập hợp đồng vay tiền với nhau nhưng hai bên đã chấm dứt hợp đồng. Bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích C, ông Đoàn Anh D có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc 510.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 01/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/8/2022, lãi suất 1,5%/tháng.

Bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Bích C. Vợ chồng bà C, ông D đồng ý trả cho bà số tiền gốc 335.000.000 đồng một lần và bà đồng ý chỉ nhận số tiền 335.000.000 đồng và thừa nhận có tham gia chơi hụi với bà C, bà C là người chơi hụi, còn bà là chủ hụi. Bà thừa nhận các đoạn ghi âm lưu tại USB mà bà C cung cấp cho Tòa là giọng nói của bà trao đổi việc vay tiền với vợ chồng bà Ch, ông D.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu phản tố và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C trình bày: Vào tháng 11/2015, vì bà cần tiền để đầu tư kinh doanh, thông qua sự giới thiệu của ông T nên bà gặp bà Nguyễn Thị Ng để vay tiền, cụ thể vào tháng 12/2015 bà vay của bà Ng 30.000.000 đồng, lãi suất 08%/tháng; tháng 7/2016 bà vay của bà Ng 02 lần, lần thứ nhất 100.000.000 đồng, lần thứ hai vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 08%/tháng; Đến tháng 01/2018 bà Ng cộng gộp các khoản tiền của những lần vay với số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 12%/tháng. Đến tháng 02/2019, bà vay bà Ng số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Đến tháng 03/2019, bà vay bà Ng số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Đến tháng 12/2019, bà trả cho bà Ng số tiền gốc 100.000.000 đồng, bà Ng gạch bỏ trong sổ nợ của bà Ng do bà Ng giữ, không viết giấy nhận tiền. Tổng cộng số tiền gốc bà đã vay của bà Ng là 500.000.000 đồng, đến tháng 12/2019 bà trả được số tiền 100.000.000 đồng nên còn nợ bà Ng là 400.000.000 đồng.

Vào ngày 03/4/2020 bà Ng ép buộc bà viết hợp đồng vay tiền với nội dung bà còn nợ bà Ng số tiền gốc 510.000.000 đồng, nhưng thực tế bà chỉ còn nợ bà Ng nợ gốc 400.000.000 đồng vì bà Ng cộng 10.000.000 đồng tiền lãi vào nợ gốc và bà Ng không trừ số tiền 100.000.000 đồng bà đã trả vào tháng 12/2019. Thực tế ngày 03/4/2020 bà không vay của bà Ng. Thời điểm viết hợp đồng vay chỉ có bà và bà Ng.

Đến ngày 06/7/2020 (âm lịch), bà trả cho bà Ng tiền gốc 100.000.000 đồng; trả lãi từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2021, mỗi tháng 25.000.000 đồng tiền gốc. Bà trả được 75.000.000 đồng trừ vào tiền hụi. Vì không có chứng cứ nào để chứng minh nên bà chấp nhận số nợ gốc là 335.000.000 đồng, bà trả lãi cho bà Ng đến hết tháng 9/2021 với số tiền 1.789.200.000 đồng nên bà yêu cầu phản tố bà Ng có nghĩa vụ trả

lại cho bà số tiền thừa 1.789.200.000 - 289.537.500 (tiền lãi) – 335.000.000 đồng (tiền gốc) = 1.164.662.500 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Đoàn Anh D trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Bích C, toàn bộ những khoản vay trên ông không biết, ông không liên quan gì đến khoản nợ trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tuy P, tỉnh Bình Định quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C. Buộc vợ chồng ông Đoàn Anh D, bà Nguyễn Thị Bích C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 387.762.500 đồng. (Trong đó, tiền gốc 335.000.000 đồng; tiền lãi 52.762.500 đồng).

Ngoài ra, về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án, án phí, C phí giám định và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 29/8/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Đoàn Anh D và bà Nguyễn Thị Bích C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 387.762.500 đồng là không có căn cứ. Vì trong giấy mượn tiền chỉ có bà C đứng tên và ông D không biết việc bà C vay tiền của bà Ng nên không có căn cứ xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân gia đình xác định đây là nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do bà C xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình nên bà C có trách nhiệm trả nợ cho bà Ng số tiền gốc nêu trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xong, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C không đồng ý nên làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 108/2022/DSST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy P; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. *Về tố tụng*: Kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Bích C là trong hạn, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng cung cấp một hợp đồng vay tiền: Vào ngày 03/4/2020, nguyên đơn cho bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C

vay số tiền 510.000.000 đồng; thời hạn vay 5 tháng chia thành 2 đợt trả tiền gốc vay: Đợt 1: Bị đơn phải trả vào ngày 03/7/2020 với số tiền 250.000.000 đồng; Đợt 2: Bị đơn phải trả vào ngày 03/9/2020 với số tiền 260.000.000 đồng; Hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng trả vào ngày 3 hàng tháng; mục đích vay để kinh doanh buôn bán vỏ điều và thêm tiền mua xe tải.

[2.1]. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C thừa nhận hợp đồng mượn tiền ngày 03/4/2020 nguyên đơn cung cấp là do bà viết và ký tên. Nhưng tại biên bản đối chất ngày 07/6/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng thừa nhận: Bà C còn nợ số tiền 335.000.000 đồng tiền gốc (qua nhắn tin và ghi âm điện thoại). Nên có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Bích C còn nợ bà Nguyễn Thị Ng số tiền 335.000.000 đồng theo hợp đồng mượn tiền ngày 3/4/2020.

[2.2]. Ông Đoàn Anh D là chồng bà Nguyễn Thị Bích C cho rằng: Khoản tiền bà C vay trên ông không biết nên không có nghĩa vụ trả nợ cùng với bà C nhưng tại hợp đồng mượn tiền ngày 03/4/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm bà C đều xác định: Khoản tiền vay trên dùng vào việc kinh doanh, buôn bán vỏ điều, thêm tiền mua xe tải với mục đích lo cho cuộc sống gia đình, nên có căn cứ xác định là nợ chung của vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích C và ông Đoàn Anh D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 387.762.500 đồng (trong đó, tiền gốc: 335.000.000 đồng, tiền lãi 52.762.500 đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Chi, bà yêu cầu nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trả cho bà số tiền 1.164.662.500 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà C xác định trừ các khoản phải trả cho bà Ng theo hợp đồng vay ngày 03/4/2020, bà C yêu cầu bà Ng phải trả lại cho bà số tiền 719.712.500 đồng. Nhưng tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp như ghi âm lời nói bà Ng, nhắn tin, vi bằng, bản kê. Các tài liệu, chứng cứ này không liên quan đến khoản tiền của hợp đồng vay ngày 3/4/2020, đó là một quan hệ pháp luật khác. Tại phiên tòa, bà C không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 26 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 8.750.000 đồng. Vợ chồng ông Đoàn Anh D, bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm khi yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 19.388.000 đồng; Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C có yêu cầu phản tố với số tiền 719.712.500 đồng nhưng không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.788.500 đồng.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ckhông được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng.

[4]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị: Trình bày luận cứ đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C. Sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà Ng số tiền 387.762.500 đồng là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463; 466; 468; 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DSST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy P, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích C.

3. Buộc vợ chồng ông Đoàn Anh D, bà Nguyễn Thị Bích C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 387.762.500 đồng (trong đó, tiền gốc: 335.000.000 đồng, tiền lãi 52.762.500 đồng).

4. Về án phí:

4.1. *Án phí dân sự sơ thẩm*:

- Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 8.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 12.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0005964 ngày 09/12/2021 tại C cục thi hành án dân sự huyện Tuy P. Hoàn lại cho bà Ng số tiền 4.000.000 đồng.

- Vợ chồng ông Đoàn Anh D, bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu 19.388.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu 32.788.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 25.501.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006216 ngày 30/5/2022 tại Ccục thi hành án dân sự huyện Tuy P. Bà Ccòn phải nộp số tiền 7.287.500 đồng.

4.2. *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006333 ngày 29/8/2022 tại Ccục thi hành án dân sự huyện Tuy P.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy P;
- CCTHADS huyện Tuy P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thanh Trà